

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 21/NQ-CP

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ giai đoạn 2022 - 2026 thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TW ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Ban Bí thư về công tác ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển đất nước đến năm 2030

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Chỉ thị số 15-CT/TW ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Ban Bí thư về công tác ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển đất nước đến năm 2030;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Chương trình hành động của Chính phủ giai đoạn 2022 - 2026 thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TW ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Ban Bí thư Trung ương Đảng Khóa XIII về công tác ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển đất nước đến năm 2030.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: TH, KGVX, KTTH, NC;
- Lưu: VT, QHQT (2b).

TM. CHÍNH PHỦ

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trần Lưu Quang

Trần Lưu Quang



CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH

Hành động của Chính phủ giai đoạn 2022 - 2026 thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TW ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Ban Bí thư về công tác ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển đất nước đến năm 2030
(Kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Cụ thể hóa và triển khai các quan điểm chỉ đạo, nhiệm vụ, giải pháp trong Chỉ thị số 15-CT/TW ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XIII về công tác ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển đất nước đến năm 2030 (viết tắt là Chỉ thị số 15-CT/TW) trên cơ sở bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021 - 2025.

b) Tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội đối với công tác ngoại giao kinh tế, trong đó cần quán triệt ngoại giao kinh tế là một nhiệm vụ cơ bản, trung tâm của nền ngoại giao Việt Nam, một động lực quan trọng để phát triển đất nước nhanh, bền vững, đóng vai trò tiên phong trong huy động các nguồn lực bên ngoài, góp phần đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tăng cường tiềm lực, sức cạnh tranh và năng lực thích ứng của nền kinh tế, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, hiệu quả.

2. Yêu cầu

Chính phủ yêu cầu các cấp, các ngành, các địa phương nghiêm túc quán triệt Chỉ thị số 15-CT/TW, khẩn trương xây dựng, triển khai các kế hoạch hành động thực hiện Chỉ thị theo phương châm “Tư duy sáng tạo, hành động quyết liệt, ứng phó linh hoạt, hiệu quả, khai thác và tranh thủ mọi cơ hội cho phát triển đất nước” với các yêu cầu cụ thể như sau:

a) Trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác ngoại giao kinh tế cần xác định rõ trọng tâm, trọng điểm, lấy lợi ích quốc gia - dân tộc, hiệu quả, thực chất làm tiêu chí hàng đầu, lấy người dân, địa phương và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ.

b) Xác định rõ vai trò của các tổ chức đảng, các cấp chính quyền, người đứng đầu các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trong triển khai công tác ngoại giao kinh tế. Việc tổ chức nghiên cứu, quán triệt phải nghiêm túc, thiết thực, hiệu quả, tránh hình thức, phù hợp với từng đối tượng, thành phần, từng cấp, ngành. Cấp ủy, chính quyền các cấp, nhất là cấp cơ sở xây dựng kế hoạch, chương trình cụ thể để triển khai Chỉ thị số 15-CT/TW.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm về công tác ngoại giao kinh tế

- Các cơ quan trực thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các doanh nghiệp nhà nước tổ chức nghiên cứu, quán triệt và tuyên truyền sâu rộng, đầy đủ, thực chất nội dung Chỉ thị số 15-CT/TW.

- Đẩy mạnh nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu về yêu cầu, mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ của công tác ngoại giao kinh tế trong tình hình mới. Tăng cường các hoạt động sinh hoạt chuyên đề về công tác đối ngoại, ngoại giao kinh tế, hội nhập quốc tế.

- Tăng cường truyền thông, thông tin cho các cấp, các ngành, địa phương, doanh nghiệp, người dân về chủ trương, ý nghĩa, hiệu quả kinh tế của các hoạt động ngoại giao song phương và đa phương, đặc biệt các chuyến thăm và hoạt động đối ngoại của lãnh đạo Đảng và Nhà nước và các hội nghị quốc tế mà nước ta đăng cai tổ chức. Chú trọng tuyên truyền, làm rõ vai trò và đóng góp của ngoại giao kinh tế đối với phát triển kinh tế - xã hội đất nước cũng như sự phát triển của các ngành, địa phương và doanh nghiệp.

2. Tiếp tục mở rộng, làm sâu sắc hơn quan hệ và tạo thế đan xen lợi ích kinh tế với các đối tác song phương và đa phương

- Tận dụng, tranh thủ tối đa các quan hệ chính trị đối ngoại để thúc đẩy hợp tác, liên kết kinh tế phục vụ phát triển. Xây dựng và triển khai hiệu quả Chương trình đối ngoại của các đồng chí lãnh đạo chủ chốt, lãnh đạo cấp cao hàng năm trên cơ sở phối hợp chặt chẽ giữa các bộ, ngành liên quan; đưa hợp tác kinh tế trở thành một nội dung trung tâm trong các hoạt động đối ngoại, chuyến thăm, tiếp xúc, điện đàm cấp cao và các cấp; tạo chuyển biến trong việc đôn đốc, triển khai quyết liệt, hiệu quả các thỏa thuận và kết quả đạt được.

- Chú trọng các nội dung thúc đẩy hợp tác kinh tế và ngoại giao kinh tế trong xây dựng và triển khai các đề án phát triển quan hệ với các đối tác, nhất là các nước láng giềng, các nước lớn, đối tác chiến lược, đối tác toàn diện và các đối tác quan trọng khác, lấy chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, lợi ích quốc gia - dân tộc và lợi ích hợp pháp của công dân, doanh nghiệp làm tiêu chí hàng đầu

trong triển khai ngoại giao kinh tế. Tận dụng các khuôn khổ hợp tác sẵn có và kịp thời kiến nghị các chủ trương, khuôn khổ, biện pháp nhằm tiếp tục mở rộng thực chất, làm sâu sắc hơn quan hệ, tạo thế đan xen lợi ích kinh tế với các đối tác.

Tạo đột phá trong một số lĩnh vực hợp tác kinh tế và giải quyết vướng mắc, “điểm nghẽn” trong quan hệ kinh tế với các đối tác lớn, đối tác chủ chốt theo nguyên tắc bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc và hài hoà với lợi ích hợp pháp, chính đáng của các đối tác. Theo sát tình hình, tác động của cạnh tranh chiến lược nước lớn, các điều chỉnh chiến lược, chính sách và sáng kiến kinh tế của nước lớn đối với khu vực để có ứng xử phù hợp nhằm tranh thủ cơ hội và hạn chế các tác động bất lợi.

Tập trung tạo chuyên biến thực chất, chú trọng tính hiệu quả trong quan hệ kinh tế với một số đối tác truyền thống tương xứng với mức độ quan hệ chính trị - ngoại giao. Đẩy mạnh hợp tác trong một số lĩnh vực, dự án kinh tế có ý nghĩa chiến lược (nông nghiệp, hạ tầng, năng lượng, viễn thông...). Thúc đẩy khai phá, mở rộng thị trường với các đối tác tiềm năng, nâng cấp một số khuôn khổ quan hệ đối tác vào thời điểm phù hợp.

- Các bộ, cơ quan Chính phủ và các địa phương chủ động phối hợp chặt chẽ với Bộ Ngoại giao, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công Thương... tận dụng, đề xuất các khuôn khổ, cơ chế, biện pháp tăng cường hợp tác kinh tế, thương mại, bao gồm hợp tác kinh tế số, thương mại số, đầu tư và hợp tác chuyên ngành với các cơ quan Chính phủ các nước đối tác, các tổ chức quốc tế, các địa phương nước ngoài, các nhà đầu tư nước ngoài có tiềm năng trên cơ sở phù hợp với pháp luật và các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã tham gia, ký kết. Nghiên cứu kỹ và đánh giá đầy đủ lợi ích và tác động đối với Việt Nam trước khi ký kết các văn kiện hợp tác.

- Thu hút, tranh thủ các nguồn lực phục vụ phát triển (tài chính, công nghệ, kinh nghiệm, tri thức, hỗ trợ kỹ thuật, tư vấn chính sách) từ việc tham gia và hợp tác trong các cơ chế, diễn đàn đa phương, nhất là Liên hợp quốc, ASEAN, APEC, ASEM, Tiểu vùng Mê Công, WTO, IMF, WB, ADB, OECD, WEF... và các cơ chế hợp tác chuyên ngành.

Xây dựng kế hoạch và triển khai hiệu quả việc đảm nhận các trọng trách đa phương, trong đó có đăng cai tổ chức các hội nghị, diễn đàn về kinh tế - phát triển. Lồng ghép các nội dung ngoại giao kinh tế, thúc đẩy hợp tác kinh tế, thương mại và đầu tư, tăng cường sự tham gia của địa phương, doanh nghiệp trong các sự kiện đa phương lớn. Chủ động tham gia và phát huy vai trò, thúc đẩy sáng kiến của Việt Nam tại các cơ chế, diễn đàn kinh tế quốc tế phù hợp yêu cầu, khả năng và điều kiện cụ thể của đất nước. Khuyến khích đưa cán bộ, công dân Việt Nam tham gia làm việc tại các tổ chức quốc tế, cơ chế đa phương về kinh tế.

Chủ động đóng góp vào tiến trình cải tổ, nâng cao hiệu quả các tổ chức quản trị kinh tế toàn cầu, xây dựng và hoàn thiện các thể chế kinh tế quốc tế. Chủ động, linh hoạt tham gia các cơ chế liên kết khu vực, liên khu vực theo vấn đề và lĩnh vực cụ thể.

3. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế

- Tổng kết việc thực hiện các nghị quyết, chiến lược về hội nhập quốc tế giai đoạn 2016 - 2021 làm cơ sở kiến nghị chủ trương, chính sách, biện pháp nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế, trọng tâm là hội nhập kinh tế quốc tế trong giai đoạn 2021 - 2030 và các giai đoạn tiếp theo; chú trọng nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế trong các ngành, lĩnh vực kinh tế quan trọng.

- Thực hiện có hiệu quả các cam kết quốc tế, bao gồm các cam kết trong khuôn khổ các FTA “thế hệ mới”, các Hiệp định song phương và đa phương về các lĩnh vực tài chính, hải quan, bảo hiểm xã hội, lao động..., chủ động xử lý các vấn đề phức tạp nảy sinh trong quá trình thực hiện các cam kết, nhất là trong các lĩnh vực như lao động, môi trường, phát triển bền vững... Nâng cao nhận thức và năng lực thực thi các cam kết FTA của doanh nghiệp. Gắn việc triển khai hiệu quả và tận dụng tốt các cơ hội trong các FTA và các khuôn khổ hợp tác kinh tế quốc tế với việc thiết lập vị trí cao hơn của nền kinh tế Việt Nam trong chuỗi sản xuất, giá trị toàn cầu, thiết lập mạng lưới đối tác cung ứng ổn định và đáng tin cậy cho các ngành và lĩnh vực quan trọng, phục vụ chuyên đổi xanh và phát triển bền vững, đẩy mạnh chuyên đổi số, chuyển giao và ứng dụng công nghệ hiện đại.

Tiếp tục đàm phán, ký kết, hoàn thiện mạng lưới FTA ở nhiều cấp độ (liên khu vực, khu vực, song phương...) phù hợp với ưu tiên và lợi ích của ta. Nghiên cứu, thiết lập khuôn khổ kinh tế, thương mại song phương dài hạn, ổn định với các đối tác quan trọng, thúc đẩy đàm phán mới với các đối tác tiềm năng để mở rộng không gian phát triển. Khẩn trương xem xét tham gia các khuôn khổ hợp tác liên kết trong các lĩnh vực mới như kinh tế số, chuyển đổi số an toàn, tin cậy, chuyển đổi năng lượng, kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh, chuỗi cung ứng tự cường và bền vững...

- Xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách để thực hiện đầy đủ các cam kết kinh tế quốc tế theo lộ trình và phù hợp với lợi ích đất nước. Đẩy mạnh quá trình nội luật hóa các cam kết quốc tế; sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp quy hiện hành, bảo đảm đồng bộ, hiệu quả, duy trì ổn định môi trường đầu tư, kinh doanh, không gây xáo trộn, ảnh hưởng đến lợi ích của doanh nghiệp.

- Tiếp tục vận động các đối tác công nhận quy chế kinh tế thị trường của Việt Nam. Chủ động hoàn thiện hệ thống phòng vệ để bảo vệ nền kinh tế, doanh nghiệp, thị trường trong nước phù hợp với các cam kết quốc tế; nghiên cứu tận dụng các công cụ thương mại và luật pháp quốc tế. Nâng cao năng lực cảnh

báo sớm các vụ việc phòng vệ thương mại, năng lực xử lý tranh chấp thương mại, đầu tư quốc tế, đấu tranh chống các biện pháp bảo hộ thương mại, các vụ kiện phá giá, trợ cấp đối với hàng hóa xuất khẩu của nước ta.

Tích cực tham gia, phát huy vai trò của Việt Nam trong các khuôn khổ hợp tác tài chính quốc tế nhằm thu hút nguồn lực cho phát triển, tăng cường năng lực quản trị ứng phó với các rủi ro, bất ổn tài chính toàn cầu. Tiếp tục đổi mới chính sách thuế phù hợp với chủ trương hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các cam kết quốc tế. Tăng cường công tác quản lý nợ nước ngoài, đẩy mạnh huy động các nguồn tài chính mới để phục vụ phát triển và bảo đảm cơ cấu nợ công bền vững.

4. Đẩy mạnh vận động, thu hút nguồn lực từ bên ngoài nhằm củng cố các động lực tăng trưởng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội

- Tập trung giữ vững, củng cố các thị trường xuất khẩu truyền thống; mở rộng và khai thác các thị trường mới, tiềm năng, các thị trường còn nhiều dư địa, góp phần đa dạng hoá thị trường, đa dạng hóa sản phẩm, đa dạng hóa chuỗi cung ứng đối tác, tránh lệ thuộc vào một thị trường, một đối tác nhất định. Chủ động tiếp cận, nắm bắt, phân tích, đánh giá các điều chỉnh chính sách thương mại của các đối tác để tham mưu, đề xuất các phản ứng chính sách phù hợp. Triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại có trọng tâm, trọng điểm, chú trọng thiết thực, hiệu quả, linh hoạt về cách thức tổ chức, triển khai; nắm vững hệ thống luật pháp, quy định, tập quán thương mại của sở tại. Tìm kiếm, đa dạng hoá nguồn cung nguyên liệu phục vụ các ngành sản xuất trong nước. Tăng cường ứng dụng công nghệ số trong các hoạt động quảng bá, tìm kiếm đối tác và thị trường; khuyến khích phát triển các sàn giao dịch hàng hóa trực tuyến. Tăng cường vai trò của các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, trong đó có hệ thống Thương vụ, trong công tác xúc tiến và hỗ trợ xuất khẩu. Chú trọng nâng tầm vị thế thương hiệu sản phẩm Việt Nam.

- Chủ động thu hút đầu tư nước ngoài có chọn lọc trên cơ sở bảo đảm yếu tố môi trường, phát triển bền vững; ưu tiên các ngành, lĩnh vực, chương trình, dự án có giá trị gia tăng cao, sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại phục vụ phát triển cơ sở hạ tầng, kinh tế số, chuyển đổi số, tăng trưởng xanh, thực hiện ba đột phá chiến lược. Đẩy mạnh hoạt động ngoại giao kinh tế phục vụ thu hút đầu tư chất lượng cao của các tập đoàn đa quốc gia, nâng cao vị trí của Việt Nam trong chuỗi cung ứng toàn cầu; linh hoạt, chủ động kiến nghị các cơ chế, chính sách tranh thủ xu thế chuyển dịch và đa dạng hóa chuỗi cung ứng trong một số lĩnh vực như bán dẫn, công nghệ cao, năng lượng... Nâng cao tính chủ động, trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương trong tạo thuận lợi, tháo gỡ khó khăn cho các dự án đầu tư trọng điểm, có ý nghĩa quan trọng về kinh tế - xã hội và đối ngoại. Nghiên cứu các biện pháp đơn giản hóa thủ tục đầu tư phù hợp với các tiêu chuẩn, thông lệ quốc tế, nâng cao hiệu quả xúc tiến đầu tư, ứng dụng các hình thức xúc tiến đầu tư mới, ứng dụng công nghệ số.

Nâng cao năng lực tiếp nhận, quản lý vốn đầu tư nước ngoài, năng lực phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế; nghiên cứu kinh nghiệm của các nước trong xử lý tranh chấp liên quan đến hoạt động đầu tư quốc tế, các dự án có yếu tố nước ngoài. Bảo đảm phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chủ quản với các cơ quan đối ngoại trong thẩm định, xử lý vướng mắc trong các dự án quan trọng có yếu tố nước ngoài hoặc nhạy cảm về đối ngoại. Hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư đi đôi với nghiên cứu, kiến nghị giải pháp đối với các xu hướng quản trị đầu tư toàn cầu, bao gồm khả năng áp dụng thuế doanh nghiệp tối thiểu toàn cầu.

- Đẩy mạnh các hoạt động ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển nông nghiệp theo các định hướng, mục tiêu của Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Thúc đẩy hợp tác về nông nghiệp thông minh, nông nghiệp công nghệ cao, tuần hoàn gắn với chuyển giao công nghệ về chế biến, bảo quản, công nghệ giống, công nghệ môi trường. Thiết lập hợp tác ba bên hoặc nhiều bên về an ninh lương thực, phát triển ngành Halal... để góp phần mở rộng, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu nông, lâm, thủy sản.

- Triển khai ngoại giao kinh tế phục vụ chuyên đổi số, phát triển khoa học - công nghệ nhằm tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ và sức cạnh tranh của nền kinh tế, phát triển công nghiệp an ninh - quốc phòng, tạo động lực phát triển công nghiệp quốc gia. Đẩy mạnh tổ chức các sự kiện xúc tiến thị trường khoa học công nghệ quy mô vùng, quốc gia và quốc tế; quảng bá thị trường khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo. Thu hút các tập đoàn đa quốc gia thành lập các cơ sở nghiên cứu và phát triển công nghệ, các trung tâm đổi mới sáng tạo tại Việt Nam, trong đó ưu tiên các dự án chuyển giao công nghệ, từng bước tiến tới sớm tự chủ công nghệ tiên tiến. Kiến nghị các khuôn khổ, cơ chế, biện pháp thúc đẩy hợp tác với nước đối tác có thế mạnh về khoa học - công nghệ, kinh tế số. Tham gia, đóng góp có hiệu quả vào các khuôn khổ hợp tác về kinh tế số và khoa học - công nghệ.

- Đẩy mạnh ngoại giao kinh tế trong lĩnh vực khí hậu nhằm thúc đẩy tăng trưởng xanh đi đôi với thực thi các cam kết giảm phát thải của Việt Nam tại Hội nghị COP26. Thúc đẩy đàm phán, thiết lập quan hệ đối tác về tăng trưởng xanh, ứng phó với biến đổi khí hậu, chuyển đổi năng lượng công bằng với các nước, tổ chức quốc tế trên cơ sở bảo đảm độc lập, tự chủ về an ninh và phát triển, phù hợp lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp và nhân dân Việt Nam. Thu hút nguồn tài chính xanh ưu đãi từ các nước đối tác, các tổ chức quốc tế, các nhà tài trợ trên nguyên tắc đảm bảo an ninh tài chính quốc gia, an toàn nợ công. Chủ động tham gia, đóng góp tích cực trong các khuôn khổ hợp tác, sáng kiến quốc tế về phát triển bền vững, tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn, cơ sở hạ tầng, ứng phó với biến đổi khí hậu, chuyển đổi công nghiệp, giao thông và năng lượng phục vụ chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng phát thải thấp.

- Tiếp tục chú trọng triển khai ngoại giao y tế, ngoại giao vắc-xin, phát triển dược phẩm..., góp phần nâng cao năng lực y tế cộng đồng, y tế cơ sở, bảo đảm nguồn cung vắc-xin, trang thiết bị y tế, thuốc điều trị để chủ động ứng phó trong bối cảnh dịch bệnh kéo dài và diễn biến phức tạp nhằm bảo vệ sức khỏe nhân dân và bảo đảm tăng cường năng lực, sức chống chịu của nền kinh tế.

- Tăng cường ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Thúc đẩy triển khai hiệu quả các thỏa thuận hợp tác, phái cử lao động đã ký kết với các đối tác; đàm phán, ký kết các thỏa thuận với các đối tác tiềm năng khác trong các lĩnh vực đang gia tăng nhu cầu (xây dựng, dịch vụ y tế, dịch vụ chăm sóc và các lĩnh vực tay nghề cao...). Tăng cường nghiên cứu, tìm hiểu nhu cầu về trình độ chuyên môn, kỹ năng người lao động của các đối tác để xây dựng chương trình đào tạo phù hợp, đa dạng hoá nguồn cung lao động. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ quyền lợi hợp pháp và chính đáng của người lao động Việt Nam ở nước ngoài.

- Đẩy mạnh ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển kinh tế biển theo các mục tiêu của Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Bộ Chính trị về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, triển khai Đề án hợp tác quốc tế về phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030. Tăng cường hợp tác với các đối tác có tiềm lực về kinh tế biển, có chung lợi ích. Thu hút đầu tư vào các lĩnh vực thúc đẩy phát triển kinh tế biển bền vững; tranh thủ hỗ trợ của các đối tác, các tổ chức quốc tế để phát triển nguồn nhân lực, cơ sở hạ tầng, công nghệ phục vụ phát triển các ngành kinh tế biển.

- Tăng cường triển khai các hoạt động thông tin, tuyên truyền đối ngoại, quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam. Đẩy mạnh và đổi mới mạnh mẽ các hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch; tiếp tục xây dựng, hoàn thiện các chính sách, pháp luật tạo thuận lợi cho khách du lịch nhập cảnh vào Việt Nam. Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế để phát triển ngành công nghiệp văn hóa, công nghiệp sáng tạo như một động lực quan trọng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội đất nước. Bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa gắn với phát triển bền vững của địa phương và đất nước.

- Đẩy mạnh huy động nguồn lực người Việt Nam ở nước ngoài, nhất là về tri thức, các lĩnh vực khoa học công nghệ mới. Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 169/NQ-CP ban hành Chương trình hành động của Chính phủ tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, Chỉ thị số 45-CT/TW và Kết luận số 12-KL/TW của Bộ Chính trị về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài giai đoạn 2021 - 2026. Xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cải cách thủ tục hành chính, cơ sở dữ liệu về tri thức, doanh nhân người Việt Nam ở nước ngoài; phát triển các mạng lưới kết nối nhân tài người Việt Nam ở nước ngoài; triển khai đồng bộ các chính sách liên quan đến người Việt Nam ở nước ngoài khi về nước làm việc, thường trú; tạo điều kiện thuận lợi để người Việt Nam ở nước ngoài về nước đầu tư, sản xuất, kinh doanh.

- Sớm xây dựng quy chế quản lý thống nhất viện trợ của Việt Nam cho nước ngoài để nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng viện trợ như một công cụ ngoại giao kinh tế quan trọng phục vụ các lợi ích an ninh - phát triển và nâng cao vị thế, uy tín đất nước.

5. Xây dựng nền ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển, lấy người dân, địa phương và doanh nghiệp làm trung tâm

- Tăng cường sự tham gia của các địa phương, doanh nghiệp trong quá trình xây dựng chính sách cũng như các hoạt động đối ngoại để thúc đẩy các kết quả, dự án cụ thể, trên cơ sở lấy hiệu quả thực chất làm tiêu chí hàng đầu và lấy phục vụ người dân, địa phương và doanh nghiệp làm trung tâm.

- Hỗ trợ các địa phương xây dựng, triển khai các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội gắn với các đặc thù, thế mạnh của địa phương, quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng và tiến trình hội nhập quốc tế. Hỗ trợ các địa phương thực hiện hiệu quả các Nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển các vùng kinh tế động lực, thúc đẩy liên kết vùng. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện quy hoạch hệ thống cửa khẩu biên giới đất liền quốc gia tầm nhìn dài hạn nhằm tăng cường hiệu quả trao đổi thương mại qua biên giới với các nước láng giềng. Hỗ trợ các địa phương tiếp cận các tư duy phát triển, tri thức quản trị tiên tiến; tiếp cận, khai thác hiệu quả các thị trường quốc tế; thu hút đầu tư, thu hút các nguồn tài chính mới; tham gia hiệu quả vào các chuỗi giá trị, sản xuất khu vực và toàn cầu. Hỗ trợ xây dựng và quảng bá thương hiệu sản phẩm địa phương. Tạo điều kiện để các địa phương đăng cai các hoạt động ngoại giao kinh tế và các sự kiện kinh tế phù hợp. Phát huy vai trò của các cơ quan làm công tác đối ngoại địa phương trong triển khai các hoạt động ngoại giao kinh tế.

- Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại và mở rộng đầu tư, kinh doanh ở nước ngoài. Quan tâm bảo vệ, thúc đẩy lợi ích chính đáng của doanh nghiệp trong tiến trình đàm phán, tham gia các khuôn khổ, cơ chế hợp tác quốc tế và các hoạt động kinh doanh, đầu tư, hợp tác với các đối tác quốc tế. Tăng cường các cơ chế trao đổi, tham vấn ý kiến của cộng đồng doanh nghiệp trong triển khai các hoạt động ngoại giao kinh tế. Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi và nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động đầu tư ra nước ngoài, chú trọng hiệu quả thực chất nhằm mở rộng thị trường cho doanh nghiệp trong nước, phục vụ các lợi ích chính trị, an ninh - phát triển, nâng cao vị thế, uy tín đất nước.

- Phát huy và nâng cao hơn nữa vai trò của các cơ quan đối ngoại, các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài trong hỗ trợ xúc tiến thương mại - đầu tư, nhất là trong khâu thông tin, tham mưu về kinh tế, xu hướng và cơ hội thúc đẩy thương mại, thu hút đầu tư, tìm kiếm và kết nối đối tác, thẩm tra - xác minh đối tác, cảnh báo rủi ro và hỗ trợ giải quyết các vướng mắc trong hợp tác, kinh doanh quốc tế, các dự án hợp tác đầu tư có yếu tố nước ngoài.

6. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, tham mưu, nâng cao năng lực phân tích, dự báo, cảnh báo phục vụ điều hành, phát triển kinh tế - xã hội

- Tăng cường nghiên cứu, theo dõi, phân tích về tình hình kinh tế thế giới và khu vực, nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo, tham mưu chiến lược về các xu hướng phát triển của kinh tế thế giới và khu vực, cạnh tranh chiến lược nước lớn và tác động đối với Việt Nam. Kiến nghị các chủ trương, đối sách, biện pháp ứng xử phù hợp trước những xu hướng phát triển mới toàn cầu, các điều chỉnh chiến lược và động thái chính sách của các nước, các diễn biến kinh tế thế giới và khu vực. Chú trọng trao đổi, phối hợp giữa các cơ quan đối ngoại, an ninh, quốc phòng với các bộ, ngành phụ trách kinh tế, tài chính, đầu tư và các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài để đánh giá toàn diện, đồng bộ về các vấn đề quốc tế và tác động đối với phát triển và an ninh đất nước.

- Đẩy mạnh nghiên cứu, tổng kết kinh nghiệm của các nước về các chính sách, biện pháp phát triển kinh tế - xã hội, luật pháp và tập quán kinh tế quốc tế, nhạy bén phát hiện các xu hướng, mô hình phát triển mới trên thế giới như kinh tế số, chuyển đổi số, tăng trưởng xanh, phát triển công nghiệp văn hóa, trí thức, nâng cao sức cạnh tranh của địa phương và năng lực doanh nghiệp... để khai thác, tận dụng tạo động lực tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh kinh tế của đất nước. Đẩy mạnh nghiên cứu, tham mưu phục vụ các đường lối, chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước về đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng; xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ gắn với chủ động, tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng, thực chất, hiệu quả; phục vụ triển khai các đột phá chiến lược.

- Tăng cường đối thoại chính sách về phát triển kinh tế - xã hội với các tổ chức quốc tế, các chuyên gia, học giả có uy tín, bảo đảm thực chất, hiệu quả và phù hợp với nhu cầu trong nước. Nâng cao hiệu quả các chương trình đối thoại chính sách cao cấp và tăng cường các hoạt động đối thoại chính sách cấp lãnh đạo quản lý bộ, ngành và địa phương.

- Nghiên cứu hình thành các diễn đàn, cơ chế đối thoại chính sách mang tầm cỡ khu vực tại Việt Nam, gắn với các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đất nước và các xu hướng phát triển toàn cầu đang nổi lên.

7. Nâng cao hiệu quả phối hợp liên ngành và bố trí nguồn lực triển khai công tác ngoại giao kinh tế

- Nghiên cứu xây dựng các cơ chế tăng cường phối hợp liên ngành, liên cấp, liên vùng, đặc biệt là giữa các cơ quan đối ngoại trung ương với các địa phương, giữa các địa phương với nhau, giữa các cơ quan, địa phương, doanh nghiệp trong nước với các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

- Rà soát, kiện toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ chế Ủy ban liên Chính phủ, Ủy ban hỗn hợp về hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư... song phương với các đối tác, nhất là trong đơn đốc triển khai các cam kết, thỏa thuận hợp tác kinh tế.

- Kiến nghị các cơ chế, biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các trụ cột đối ngoại gồm đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân, các cơ chế phối hợp liên ngành trong đối ngoại và hội nhập quốc tế, giữa ngoại giao kinh tế với ngoại giao văn hoá, đối ngoại quốc phòng - an ninh, trong đó có phối hợp giữa các lĩnh vực hội nhập quốc tế chuyên ngành.

- Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng, hướng tới chuẩn hóa tiêu chí bố trí và sử dụng đội ngũ cán bộ, nhân viên làm công tác đối ngoại và ngoại giao kinh tế của các cấp, ngành, địa phương, doanh nghiệp về đạo đức, bản lĩnh chính trị, kiến thức, năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng về đối ngoại, ngoại giao kinh tế, kinh tế quốc tế, pháp luật quốc tế và hội nhập kinh tế quốc tế... Có cơ chế, chính sách thu hút nhân tài làm công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế.

- Bố trí nguồn lực phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh các hoạt động ngoại giao kinh tế trong tình hình mới. Đồng thời, đẩy mạnh xã hội hóa nguồn lực cho công tác ngoại giao kinh tế phù hợp với quy định pháp luật và chú trọng tính hiệu quả, thiết thực. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong triển khai công tác ngoại giao kinh tế.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1.. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ:

- Căn cứ nhiệm vụ được giao tại Chương trình hành động này, theo chức năng, nhiệm vụ, có trách nhiệm xây dựng kế hoạch cụ thể triển khai Chỉ thị số 15-CT/TW ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Ban Bí thư và đẩy mạnh việc tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được phân công tại Phụ lục kèm theo Chương trình này; tổ chức nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền sâu rộng nội dung Chỉ thị tới cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và mọi tầng lớp nhân dân.

- Rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật phục vụ mục tiêu xây dựng nền ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển, lấy người dân, địa phương và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ.

- Bố trí đủ nguồn lực đáp ứng nhiệm vụ và yêu cầu thực tế và chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện công tác ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển.

- Định kỳ trước ngày 01 tháng 12 hàng năm, gửi Bộ Ngoại giao báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Chương trình hành động (có thể kết hợp với báo cáo về công tác đối ngoại) để tổng hợp báo cáo Chính phủ.

2. Bộ Ngoại giao chủ trì theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ, định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

3. Căn cứ yêu cầu thực tế và khả năng cân đối ngân sách nhà nước, Bộ Tài chính bố trí nguồn kinh phí phục vụ việc triển khai các hoạt động ngoại giao kinh tế theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

4. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng Kế hoạch hành động triển khai công tác ngoại giao kinh tế theo giai đoạn trên cơ sở các nhiệm vụ nêu tại Chương trình hành động của Chính phủ và đồng bộ với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; định kỳ đánh giá tình hình, kết quả thực hiện và gửi báo cáo về Bộ Ngoại giao (có thể kết hợp với báo cáo về công tác đối ngoại) để tổng hợp, báo cáo Chính phủ.



Phụ lục
NHIỆM VỤ CỤ THỂ TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ
GIAI ĐOẠN 2022 - 2026 THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 15-CT/TW NGÀY 10 THÁNG 8 NĂM 2022 CỦA
BAN BÍ THƯ VỀ CÔNG TÁC NGOẠI GIAO KINH TẾ PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC ĐẾN NĂM 2030
(Kèm theo Chương trình tại Nghị quyết số 20/NQ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ)

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
I. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm, năng lực cán bộ thực hiện công tác ngoại giao kinh tế					
1	Xây dựng, trình Chính phủ ban hành Chương trình hành động giai đoạn 2022 - 2026 thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TW của Ban Bí thư	Bộ Ngoại giao	Văn phòng Chính phủ; các bộ, cơ quan và các địa phương	Văn bản triển khai	Quý IV/2022 -I/2023
2	Tổ chức Hội nghị toàn quốc triển khai Chỉ thị số 15-CT/TW	Bộ Ngoại giao	Các ban, bộ, ngành, các địa phương	Hội nghị	Quý I/2023
3	Kế hoạch hành động của các bộ, ngành, địa phương triển khai Chương trình hành động của Chính phủ	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Ngoại giao	Văn bản	Quý I/2023
4	Tổ chức quán triệt, thông tin truyền thông, nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, doanh nghiệp về quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TW	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Ngoại giao	Hội nghị, hội thảo, văn bản	Định kỳ
5	Chỉ đạo các cơ quan báo chí tích cực tuyên truyền về Chỉ thị số 15-CT/TW và các hoạt động ngoại giao kinh tế	Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ Ngoại giao và các bộ, ngành, Thông tấn xã Việt Nam, VTV, VOV, các địa phương	Văn bản chỉ đạo; các phóng sự, trả lời phỏng vấn, bài viết và các sản phẩm truyền thông khác	Sau khi Chính phủ ban hành Chương trình hành động

6	Đẩy mạnh tuyên truyền đối ngoại về tiềm năng và các cơ hội hợp tác kinh tế với Việt Nam	Bộ Ngoại giao, Bộ Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, Thông tấn xã Việt Nam, VTV, VOV, các bộ, ngành, địa phương	Các chương trình truyền thông, phóng sự, trả lời phỏng vấn, bài viết và các sản phẩm truyền thông khác	Nhân dịp các chuyến thăm cấp cao và thường xuyên
II. Tiếp tục mở rộng, làm sâu sắc hơn quan hệ và tạo thế đan xen lợi ích kinh tế với các đối tác song phương và đa phương					
1	Xây dựng, triển khai các đề án tăng cường quan hệ song phương, bao gồm hợp tác kinh tế giữa Việt Nam và các đối tác. Kiến nghị các biện pháp nâng cấp quan hệ với các đối tác phù hợp	Bộ Ngoại giao	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công Thương, các bộ, ngành liên quan	Văn bản chỉ đạo	Định kỳ hoặc theo yêu cầu, nhân dịp các chuyến thăm cấp cao
2	Xây dựng kế hoạch hoạt động đối ngoại của lãnh đạo chủ chốt, lãnh đạo cấp cao hàng năm và 5 năm gắn với các định hướng, mục tiêu, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội	Bộ Ngoại giao	Các ban, bộ, ngành liên quan	Văn bản chỉ đạo	Định kỳ hàng năm
3	Rà soát, kiến nghị biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của các Ủy ban liên Chính phủ, Ủy ban hỗn hợp với hợp tác kinh tế là trung tâm	Các bộ, ngành chủ trì	Bộ Ngoại giao	Báo cáo, văn bản chỉ đạo	Định kỳ
4	Triển khai kế hoạch đăng cai các hội nghị đa phương tới năm 2030	Bộ Ngoại giao và các bộ, cơ quan chủ quản	Các bộ, ngành liên quan	Văn bản chỉ đạo	Trong cả giai đoạn
5	Tham mưu, đề xuất chủ trương tham gia, phát huy vai trò của Việt Nam tại các cơ chế hợp tác/sáng kiến liên kết kinh tế mới, phù hợp với lợi ích của ta	Bộ Ngoại giao và các bộ, cơ quan chủ quản	Các bộ, ngành liên quan	Văn bản chỉ đạo	Theo diễn biến tình hình

6	Nâng cao hiệu quả phối hợp, phát huy hơn nữa vai trò của đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân tại các cơ chế hợp tác kinh tế song phương và đa phương	Bộ Ngoại giao và các bộ, ngành phối hợp chặt chẽ với Ban Đối ngoại Trung ương, Ủy ban Đối ngoại Quốc hội và các cơ quan liên quan	Các bộ, ngành liên quan	Các cuộc họp, văn bản	Thường xuyên
III. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế, góp phần thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021 - 2030					
1	Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TW của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế	Bộ Ngoại giao	Các bộ, ngành, các địa phương	Sự kiện, văn bản chỉ đạo	Năm 2023
2	Tổng kết tình hình thực hiện Chiến lược về hội nhập quốc tế đến năm 2020, tầm nhìn 2030 trong giai đoạn 2016 - 2022	Bộ Ngoại giao	Bộ Công Thương và các bộ, cơ quan liên quan	Sự kiện, văn bản chỉ đạo	Năm 2023
3	Rà soát, kiến nghị biện pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả triển khai các FTA đã ký kết/tham gia. Nghiên cứu các tiêu chí đánh giá chất lượng, hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế và triển khai các FTA	Bộ Công Thương	Các bộ, ngành liên quan, địa phương	Sự kiện, báo cáo	Định kỳ
4	Tiếp tục vận động các đối tác công nhận quy chế kinh tế thị trường cho Việt Nam	Bộ Ngoại giao	Bộ Công Thương và các cơ quan liên quan	Hoạt động vận động, báo cáo	Trong cả giai đoạn
5	Triển khai các Đề án “Nâng cao năng lực về phòng vệ thương mại trong bối cảnh tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới” và “Xây dựng và vận hành hiệu quả hệ thống cảnh báo sớm về phòng vệ thương mại”. Tiếp tục kiến nghị các chính sách, biện pháp phù hợp với tình hình thực tiễn	Bộ Công Thương	Các bộ, ngành liên quan	Báo cáo, văn bản chỉ đạo	Thường xuyên

6	Chủ động mở rộng, làm sâu sắc hơn hợp tác khoa học - công nghệ, thu hút nguồn lực bên ngoài cho nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và phát triển công nghệ. Thành lập các trung tâm nghiên cứu phát triển, đổi mới sáng tạo, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp. Thúc đẩy liên kết đào tạo nhân lực về khoa học công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Ngoại giao và các bộ, ngành liên quan, địa phương	Báo cáo, văn bản chỉ đạo và các hoạt động vận động	Thường xuyên
7	Sớm triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực nông nghiệp và an ninh lương thực, bao gồm mô hình hợp tác ba bên giữa Việt Nam, EU và đối tác châu Phi	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bộ Ngoại giao, các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và các bộ, ngành, địa phương	Thoả thuận, chương trình, dự án hợp tác	Trong cả giai đoạn
8	Theo sát tình hình, diễn biến tài chính toàn cầu, các xu hướng hợp tác tài chính song phương, khu vực và quốc tế để đề xuất, kiến nghị chủ trương phù hợp	Bộ Tài chính	Bộ Ngoại giao và các bộ, ngành	Báo cáo, văn bản chỉ đạo	Định kỳ và theo yêu cầu
IV. Đẩy mạnh vận động, thu hút nguồn lực bên ngoài phục vụ phát triển kinh tế - xã hội					
1	Tăng cường các hoạt động xúc tiến, hỗ trợ thương mại có trọng tâm, trọng điểm nhằm mở rộng đối tác, thị trường, tháo gỡ khó khăn cho xuất khẩu. Tổ chức một số hoạt động tiếp xúc, trao đổi, điện đàm cấp cao để thúc đẩy xuất khẩu	Bộ Công Thương, Bộ Ngoại giao, các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài	Các bộ, ngành liên quan và địa phương	Báo cáo, sự kiện, kiến nghị chính sách	Định kỳ và theo yêu cầu
2	Xây dựng Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp nâng cao hiệu quả đầu tư nước ngoài trong giai đoạn mới	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các bộ, ngành liên quan	Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ	Quý IV/2022

3	Thực hiện các hoạt động xúc tiến đầu tư có trọng điểm hướng vào một số tập đoàn, đối tác có tiềm năng, thế mạnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Ngoại giao, các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, các bộ, ngành, địa phương	Hoạt động, sự kiện	Dịp các chuyến thăm cấp cao hoặc thời điểm phù hợp
4	Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan chủ quản với cơ quan đối ngoại trong thẩm định, xử lý vướng mắc trong các dự án quan trọng có yếu tố nước ngoài hoặc nhạy cảm về đối ngoại	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan chủ quản, các địa phương	Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và các cơ quan liên quan	Hoạt động phối hợp	Thường xuyên
5	Kiến nghị chủ trương đối với các khuôn khổ hợp tác chuyển đổi số, kinh tế số; đề xuất thúc đẩy quan hệ với các đối tác phù hợp phục vụ chuyển đổi số quốc gia	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan liên quan	Báo cáo, văn bản chỉ đạo	Thường xuyên
6	Thúc đẩy đàm phán các quan hệ đối tác chuyển đổi năng lượng với G7 và một số đối tác phù hợp	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Bộ Ngoại giao, Bộ Công Thương, các bộ, ngành, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài	Văn bản chỉ đạo, các hoạt động	Trong cả giai đoạn
7	Tiếp tục triển khai ngoại giao y tế, ngoại giao vắc-xin, thu hút đầu tư vào lĩnh vực dược phẩm phục vụ phòng chống dịch bệnh và phát triển y tế quốc gia.	Bộ Y tế, Bộ Ngoại giao	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, ngành liên quan, các địa phương	Hoạt động	Thường xuyên
8	Triển khai hiệu quả Chỉ thị số 16-CT/TW ngày 08 tháng 5 năm 2012 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đưa người lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Các bộ, ngành liên quan	Báo cáo, văn bản chỉ đạo	Thường xuyên

9	Triển khai các hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch có trọng tâm, trọng điểm; phát triển các sản phẩm du lịch chất lượng cao; đề xuất hoàn thiện các chính sách, pháp luật tạo thuận lợi cho khách du lịch nhập cảnh vào Việt Nam	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao	Các bộ, ngành liên quan	Hoạt động, văn bản chỉ đạo	Trong cả giai đoạn
10	Tăng cường bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hoá, đặc biệt là các di sản thế giới nhằm phát triển du lịch và kinh tế địa phương. Tiếp tục nghiên cứu, xây dựng hồ sơ vận động UNESCO công nhận các di sản văn hóa và thiên nhiên tiêu biểu của Việt Nam vào các Danh mục của UNESCO	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Ngoại giao, các địa phương	Các bộ, ngành liên quan	Hoạt động	Trong cả giai đoạn
11	Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 160/NQ-CP ban hành Chương trình hành động của Chính phủ tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, Chỉ thị số 45-CT/TW và Kết luận số 12-KL/TW của Bộ Chính trị về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài giai đoạn 2021 - 2026	Bộ Ngoại giao	Các bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Sự kiện, văn bản chỉ đạo	Trong cả giai đoạn
12	Rà soát, hoàn thiện quy định pháp luật về viện trợ ra nước ngoài tuân thủ đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và tiếp tục kiến nghị các chính sách, biện pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả viện trợ cho nước ngoài	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao, các bộ, ngành liên quan	Nghị định, văn bản chỉ đạo	Trong cả giai đoạn

V. Xây dựng ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển, lấy người dân, địa phương và doanh nghiệp làm trung tâm					
1	Tổ chức các Hội nghị/Diễn đàn Cấp cao kinh tế đối ngoại, các hoạt động đối thoại giữa Chính phủ với doanh nghiệp nước ngoài để nắm bắt thông tin, giải đáp thắc mắc và thúc đẩy xử lý các vướng mắc, khó khăn của doanh nghiệp nước ngoài và Việt Nam	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các bộ, ngành liên quan, địa phương, VCCI	Sự kiện	Gắn với các hoạt động đối ngoại cấp cao và khi có yêu cầu xử lý
2	Xây dựng Đề án “Tăng cường công tác đối ngoại của địa phương đến năm 2025, tầm nhìn 2023” (trong đó có nội dung ngoại giao kinh tế)	Bộ Ngoại giao, các địa phương	Các bộ, cơ quan liên quan	Đề án	Quý IV/2023
3	Đẩy mạnh các hoạt động kết nối địa phương với Ngoại giao đoàn, hiệp hội, doanh nghiệp nước ngoài	Các địa phương, Bộ Ngoại giao, các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài	Các bộ, ngành liên quan		Định kỳ
4	Rà soát các chính sách, quy định pháp luật về đầu tư ra nước ngoài và kiến nghị biện pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp Việt Nam	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Ủy ban quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, các bộ, ngành liên quan	Báo cáo, văn bản chỉ đạo, hoạt động	Thường xuyên
5	Tăng cường gặp gỡ, kết nối, tham vấn giữa các Trưởng Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài với các hiệp hội, doanh nghiệp trong nước trong ngoại giao kinh tế	Bộ Ngoại giao, các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, các địa phương, doanh nghiệp	Các bộ, ngành liên quan	Văn bản chỉ đạo, hoạt động	Nhân dịp Hội nghị Ngoại giao, trước khi các Trưởng cơ quan đại diện đi nhiệm kỳ

VI. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, tham mưu					
1	Đẩy mạnh nghiên cứu, tổng kết kinh nghiệm phát triển của các nước, luật pháp và tập quán kinh tế quốc tế, nhạy bén phát hiện các xu hướng, mô hình phát triển mới	Bộ Ngoại giao, các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công Thương, Bộ Công an	Các bộ, ngành liên quan	Báo cáo	Thường xuyên
2	Xây dựng chuyên đề nghiên cứu “Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ gắn với chủ động, tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng, thực chất, hiệu quả” báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Bộ Ngoại giao	Các bộ, ngành liên quan	Chuyên đề	Quý IV/2022
3	Triển khai hiệu quả, thực chất các hoạt động tư vấn, đối thoại chính sách, đào tạo cán bộ với các tổ chức quốc tế và cơ quan nghiên cứu có uy tín (IMF, WB, ADB, OECD, Harvard...). Nghiên cứu các chương trình nâng cao năng lực ngoại giao kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế cho cán bộ quản lý địa phương	Bộ Ngoại giao, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước, các địa phương	Các bộ, ngành liên quan	Báo cáo, sự kiện, chương trình đào tạo	Thường xuyên
4	Nghiên cứu, đề xuất hình thành các diễn đàn, cơ chế đối thoại chính sách về các vấn đề kinh tế - phát triển phù hợp với lợi ích của Việt Nam và các xu hướng toàn cầu. Tiếp tục tranh thủ việc đảm nhiệm đồng Chủ tịch Chương trình Đông Nam Á của OECD để phục vụ tham mưu xây dựng chính sách và thu hút nguồn lực cho phát triển	Bộ Ngoại giao, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công Thương	Các bộ, ngành liên quan	Báo cáo	Quý III/2023

VII. Về nguồn lực thực hiện					
1	Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại và ngoại giao kinh tế của các cấp, ngành, địa phương, doanh nghiệp về đạo đức, bản lĩnh chính trị, kiến thức, năng lực, trình độ, kỹ năng về ngoại giao kinh tế và hội nhập quốc tế	Bộ Ngoại giao, Bộ Công Thương	Các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp liên quan	Khóa/lớp học, Hội thảo	Thường xuyên
2	Kiến nghị các biện pháp huy động và sử dụng nguồn lực nhằm nâng cao hiệu quả công tác ngoại giao kinh tế trong tình hình mới	Bộ Ngoại giao	Bộ Tài chính, các bộ, ngành liên quan	Báo cáo	Thường xuyên
3	Bố trí nguồn lực phục vụ triển khai các hoạt động ngoại giao kinh tế theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn, đảm bảo phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước	Bộ Tài chính	Bộ Ngoại giao và các bộ, ngành liên quan	Hoạt động	Định kỳ hàng năm
4	Đẩy mạnh chuyển đổi số trong triển khai công tác ngoại giao kinh tế	Bộ Ngoại giao, các bộ, ngành, địa phương		Hoạt động, công cụ, sản phẩm	Thường xuyên
VIII. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TW					
1	Theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện, định kỳ hàng năm báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tình hình thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TW	Bộ Ngoại giao	Các bộ, ngành, địa phương	Báo cáo	Hàng năm
2	Đôn đốc, giám sát tình hình thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TW	Bộ Ngoại giao	Các bộ, ngành, địa phương	Báo cáo, hoạt động	Hàng năm